

CÔNG KHAI TỔNG HỢP KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024 PHÂN BỐ (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của Ủy ban nhân dân huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án, tiểu dự án	Kinh phí phân bổ kỳ này	Đơn vị thực hiện (chủ đầu tư)	Ghi chú
	Tổng cộng	48.837		
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng	9.586		
1	<i>Tiểu dự án 1: Duy tu bảo dưỡng</i>	6.656	<i>UBND xã, thị trấn</i>	Chi tiết tại Biểu 3
2	<i>Tiểu dự án 2: Triển khai đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo</i>	2.930	Ban Quản lý Dự án	Chi tiết tại biểu 4
II	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế và phát triển mô hình giảm nghèo	12.391		
1	Trung tâm DVNN thực hiện Hỗ trợ chuỗi giá trị	3.700	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp	Tiếp chi năm 2023
2	Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	8.691	<i>UBND các xã, thị trấn</i>	Chi tiết tại Biểu 3
III	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	6.693		
1	<i>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp</i>	5.168		Chi tiết tại Biểu 3
2	<i>Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng: Truyền thông; Đánh giá phân loại tình trạng dinh dưỡng; Mua sản phẩm dinh dưỡng; Mua trang thiết bị...</i>	1.525	Trung tâm y tế	
IV	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	773		
1	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	773	Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội	
2	Phân bổ chi tiết sau			

STT	Dự án, tiểu dự án	Kinh phí phân bổ kỳ này	Đơn vị thực hiện (chủ đầu tư)	Ghi chú
V	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	17.500	UBND các xã, thị trấn	Chi tiết tại Biểu 3
VI	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	363		
1	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	363	Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thông	
VII	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá kế hoạch thực hiện chương trình	1.531		
1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện kế hoạch	1.071	Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội	
2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	460	UBND xã, thị trấn	Chi tiết tại Biểu 3

CÔNG KHAI TỔNG HỢP KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024 PHÂN BỐ (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của Ủy ban nhân dân huyện)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Kinh phí phân bổ kỳ này	Đơn vị thực hiện (chủ đầu tư)	Ghi chú
	Tổng cộng	27.809		
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	3.105		
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	1.605	Phòng Dân tộc	
-	Nước sinh hoạt phân tán	1.500	Phòng Dân tộc	
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	104	Ban QLDA	
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	10.233		
<i>1</i>	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển KT nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân</i>	-		
<i>2</i>	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN</i>	10.233		
2.1	Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	5.823	Trung tâm DVNN	
2.2	Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	4.000	UBND các xã	Chi tiết tại Biểu 3
2.2	Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	410	Kinh tế - Hạ tầng	
2.4	Phân bổ chi tiết sau			
IV	Dự án 4 (Tiểu dự án 1): Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	4.786		
<i>1</i>	<i>Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN (duy tu, bảo dưỡng)</i>	4.786	UBND các xã	Chi tiết tại Biểu 3

TT	Tên dự án	Kinh phí phân bổ kỳ này	Đơn vị thực hiện (chủ đầu tư)	Ghi chú
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	5.561		
1	<i>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường PTDT có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân tộc vùng đồng bào DTTS</i>	2.779	Phòng Giáo dục và ĐT	
2	<i>Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	-	Phòng Nội vụ	
3	<i>Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi</i>	2.782	Phòng LĐTBXH	
-	Hỗ trợ đào tạo nghề; Hỗ trợ người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng	2.472	Phòng LĐTBXH	
-	Giao UBND các xã thực hiện	310	UBND các xã	Chi tiết tại Biểu 3
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	2.336		
-	Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Hỗ trợ trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.936	Phòng Văn hóa - Thông tin	
-	Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số	400	Trung tâm văn hóa - thể thao và truyền thông	
VII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	400		
1	Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	400	Trung tâm văn hóa - thể thao và truyền thông	
2	Phân bổ chi tiết sau			
VIII	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn	732		
1	<i>Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	732	Phòng Tư pháp, TT Y tế, UBND các xã	
-	Tổ chức các hoạt động truyền thông, tư vấn tại các xã có tỷ lệ tảo hôn cao trên địa bàn huyện Phong Thổ	150	Trung tâm Y tế huyện	

TT	Tên dự án	Kinh phí phân bổ kỳ này	Đơn vị thực hiện (chủ đầu tư)	Ghi chú
-	Tổ chức các hội nghị lồng ghép, hội thảo, tọa đàm, giao lưu văn hóa, nhằm tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù và trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;	82	Phòng Dân tộc	
-	Biên soạn, cung cấp tài liệu, tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình; Tổ chức các hội thi tìm hiểu về pháp luật về hôn nhân, về kết hôn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.	500	Phòng Tư pháp huyện	
IX	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS & MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	552	Phòng Dân tộc, Công an huyện	
1	<i>Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của NCUT; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&N giai đoạn 2021-2030</i>	300		
-	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng; tổ chức các hoạt động gặp mặt, tọa đàm, giao lưu đối với lực lượng cốt cán và người uy tín	300	Công an huyện	
2	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình</i>	252	Phòng Dân tộc	

Biểu 3

CÔNG KHAI CHI TIẾT PHÂN BỐ NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG NĂM 2024 (ĐỢT 2) CHO UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN

(Kèm theo Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục các chương trình, dự án	Tổng cộng	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện																
			UBND xã Sĩ Lữ Lâu	UBND xã Vàng Ma Chải	UBND xã Mỏ Sĩ San	UBND xã Pa Vây Sừ	UBND xã Tung Qua Lìn	UBND xã Đào San	UBND xã Mù Sang	UBND xã Ma Li Pho	UBND xã Huổi Luông	UBND xã Hoang Thèn	UBND xã Khổng Lào	UBND xã Bản Lang	UBND xã Mường So	UBND xã Nậm Xe	UBND xã Sin Suối Hồ	UBND xã Lân Nhì Thàng	UBND Thị Trấn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Tổng cộng (I+II)	47.571	3.557	2.671	1.551	2.100	1.200	4.070	3.376	539	6.000	3.243	2.928	2.212	4.624	2.068	3.160	3.121	1.151
I	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	38.475	3.532	2.651	1.541	2.090	1.190	2.535	2.851	534	4.175	2.318	2.928	1.682	3.528	2.033	2.085	1.651	1.151
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng	6.656	-	-	-	210	-	790	1.060	-	1.250	536	720	500	840	-	350	400	-
-	Tiểu dự án 1: Duy tu bảo dưỡng	6.656	-	-	-	210	-	790	1.060	-	1.250	536	720	500	840	-	350	400	-
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế và phát triển mô hình giảm nghèo	8.691	650	600	600	600	330	600	500	200	500	500	500	600	600	500	500	600	311
-	Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	8.691	650	600	600	600	330	600	500	200	500	500	500	600	600	500	500	600	311
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	5.168	360	350	100	300	200	380	350	-	500	300	370	380	350	328	300	350	250
-	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	5.168	360	350	100	300	200	380	350	-	500	300	370	380	350	328	300	350	250
4	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	17.500	2.480	1.680	820	960	640	720	920	320	1.880	960	1.320	160	1.720	1.160	900	280	580
5	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá kế hoạch thực hiện chương trình	460	42	21	21	20	20	45	21	14	45	22	18	42	18	45	35	21	10
-	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	460	42	21	21	20	20	45	21	14	45	22	18	42	18	45	35	21	10
II	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	9.096	25	20	10	10	10	1.535	525	5	1.825	925	-	530	1.096	35	1.075	1.470	-
1	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	4.000	-	-	-	-	-	500	500	-	500	500	-	500	500	-	500	500	-
-		4.000	-	-	-	-	-	500	500	-	500	500	-	500	500	-	500	500	-

STT	Danh mục các chương trình, dự án	Tổng cộng	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện																
			UBND xã Sĩ Lữ Lâu	UBND xã Vàng Ma Chải	UBND xã Mô Si San	UBND xã Pa Vây Sứ	UBND xã Tung Qua Lìn	UBND xã Đào San	UBND xã Mù Sang	UBND xã Ma Li Pho	UBND xã Huổi Luông	UBND xã Hoang Thèn	UBND xã Khổng Lào	UBND xã Bản Lang	UBND xã Mường So	UBND xã Nậm Xe	UBND xã Sin Suối Hồ	UBND xã Lán Nhi Thàng	UBND Thị Trấn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
2	Dự án 4 (Tiểu dự án 1): Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	4.786	-	-	-	-	-	1.000	-	-	1.300	400	-	-	586	-	550	950	-
-	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN (duy tu, bảo dưỡng)	4.786	-	-	-	-	-	1.000	-	-	1.300	400	-	-	586	-	550	950	-
3	Dự án 5: Phát triển giáo dục và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	310	25	20	10	10	10	35	25	5	25	25	-	30	10	35	25	20	-
-	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	310	25	20	10	10	10	35	25	5	25	25	-	30	10	35	25	20	-

**CÔNG KHAI GIAO CHI TIẾT KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NĂM 2024
THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MTQG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHONG THỎ (ĐỢT 2)**

(Kèm theo Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của Ủy ban nhân dân huyện)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT		Quyết định đầu tư		Lũy kế bố trí vốn đến thời điểm đề nghị phân bổ	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
			KC	HT	Số QĐ (ngày tháng năm ban hành)	Tổng mức đầu tư			
	Tổng cộng					10.000	7.070	2.930	
	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững					10.000	7.070	2.930	
	<i>Tiểu dự án 2: Triển khai đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo</i>								
1	Duy tu, bảo dưỡng đường từ Trung tâm xã Ma Li Pho đi bản U Gia, Chang Hoàng đi Trung tâm xã Huổi Luông	xã Ma Li Pho và xã Huổi Luông	2023	2024	1560-10/7/2023	7.000	5.000	2.000	Chủ đầu tư: Ban QLDA huyện
2	Duy tu, bảo dưỡng đường từ Ngã ba Hang É xã Pa Vây Sứ đến Trung tâm xã Mỏ Si San	xã Pa Vây Sứ và xã Mỏ Si San	2023	2024	1561-10/7/2023	3.000	2.070	930	Chủ đầu tư: Ban QLDA huyện

CÔNG KHAI DANH MỤC DỰ ÁN PHẦN BỐ CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024 (DỢT 3)

(Kèm theo Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại khoản)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Lũy kế bố trí vốn đến thời điểm đề nghị phân bổ	Kế hoạch vốn nguồn NSNN năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú	
							Quyết định phê duyệt	Tổng cộng	Trong đó		Tổng số	Tr đó					
									Nguồn vốn NSNN	Nguồn vốn hỗ trợ, huy động		NSTW					NSDP
								102.602.656.000	99.462.000.000	3.140.656.000	97.942.000.000	1.142.000.000	96.800.000.000	6.214.217.292	28.305.081.122		
I	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới							708.656.000	572.000.000	136.656.000	572.000.000	572.000.000	-	-	402.000.000		
-	Xây dựng Nhà văn hóa bán Nậm Cung, xã Mường So	xã Mường So	KBNN huyện	8077970	160-161	2024-2025	19-21.02.2024	373.656.000	252.000.000	121.656.000	252.000.000	252.000.000		-	177.000.000	UBND xã Mường So	
-	Sửa chữa, nâng cấp đường nội đồng Chi Bú bán Cang, xã Không Láo	xã Không Láo	KBNN huyện	8077969	280-292	2024-2025	109-17.11.2023	335.000.000	320.000.000	15.000.000	320.000.000	320.000.000		-	225.000.000	UBND xã Không Láo	
II	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi							2.094.000.000	2.090.000.000	4.000.000	570.000.000	570.000.000	-	960.000.000	2.090.000.000		
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu nhà ở, đất ở							1.520.000.000	1.520.000.000	-				960.000.000	1.520.000.000		
-	Nội dung: Hỗ trợ nhà ở	UBND các xã	KBNN huyện			2024-2024	159-26.02.2024	1.520.000.000	1.520.000.000					960.000.000	1.520.000.000	UBND các xã	
+	xã Sin Suối Hồ	xã Sin Suối Hồ	KBNN huyện	8089086	280-285	2024-2024	159-26.02.2024	200.000.000	200.000.000					320.000.000	200.000.000	UBND xã Sin Suối Hồ	
+	xã Mỏ Sỉ San	xã Mỏ Sỉ San	KBNN huyện	8089083	280-285	2024-2024	159-26.02.2024	200.000.000	200.000.000					200.000.000	200.000.000	UBND xã Mỏ Sỉ San	
+	xã Đào San	xã Đào San	KBNN huyện	8089085	280-285	2024-2024	159-26.02.2024	560.000.000	560.000.000					360.000.000	560.000.000	UBND xã Đào San	
+	xã Hoang Thèn	xã Hoang Thèn	KBNN huyện	8089084	280-285	2024-2024	159-26.02.2024	560.000.000	560.000.000				80.000.000	560.000.000	UBND xã Hoang Thèn		
2	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch							574.000.000	570.000.000	4.000.000	570.000.000	570.000.000	-	-	570.000.000		
-	Nhà văn hóa bán Tà Ô	xã Vàng Ma Chải	KBNN huyện	8077968	160-161	2024-2025	19-26.02.2024	287.000.000	285.000.000	2.000.000	285.000.000	285.000.000		-	285.000.000	UBND xã Vàng Ma Chải	
-	Nhà văn hóa bán Lao Chải	xã Sỉ Lờ Lầu	KBNN huyện	8077971	160-161	2024-2025	27-26.02.2024	287.000.000	285.000.000	2.000.000	285.000.000	285.000.000		-	285.000.000	UBND xã Sỉ Lờ Lầu	
III	Nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2023 chuyển nguồn sang 2024							21.900.000.000	21.900.000.000	-	21.900.000.000	-	21.900.000.000	-	3.154.250.863	Ban Quản lý dự án	
1	Sửa chữa, nâng cấp vỉa hè, rãnh thoát nước, điện chiếu sáng, điện trang trí trung tâm huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Thị trấn Phong Thổ	KBNN huyện	8080181	280-312	2024-2025	238-15.3.2024	8.900.000.000	8.900.000.000		8.900.000.000	8.900.000.000		Lồng ghép với nguồn tiết kiệm chi thường xuyên	2.154.250.863		
2	Bổ sung cơ sở vật chất Trường PTDTBT THCS Nậm Xe, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	xã Nậm Xe	KBNN huyện	8088463	070-073	2024-2025	788-02.5.2024	13.000.000.000	13.000.000.000		13.000.000.000	13.000.000.000		-	1.000.000.000		
IV	Nguồn vốn tiết kiệm chi thường xuyên năm 2023 chuyển nguồn sang 2024 và dành nguồn chi thường xuyên để chi đầu tư phát triển năm 2024							77.900.000.000	74.900.000.000	3.000.000.000	74.900.000.000	-	74.900.000.000	5.254.217.292	22.658.830.259	Ban Quản lý dự án	

TT	Dan h mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại khoán)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Lũy kế bố trí vốn đến thời điểm đề nghị phân bổ	Kế hoạch vốn nguồn NSNN năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
							Quyết định phê duyệt	Tổng cộng	Trong đó		Tổng số	Tr đó					
									Nguồn vốn NSNN	Nguồn vốn hỗ trợ, huy động		NSTW	NSDP				
1	Bổ sung cơ sở vật chất Trường PTDTBT THCS Nậm Xe, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	xã Nậm Xe	KBNN huyện	8088463	070-073	2024-2025	788-02.5.2024	13.000.000.000	13.000.000.000		13.000.000.000		13.000.000.000	-	4.000.000.000		
2	Bổ sung cơ sở vật chất Trường PTDTBT THCS Sin Suối Hồ, xã Sin Suối Hồ	xã Sin Suối Hồ	KBNN huyện	8088462	070-073	2024-2026	398-16.4.2024	25.000.000.000	25.000.000.000		25.000.000.000		25.000.000.000	-	7.000.000.000		
3	Sửa chữa, nâng cấp vỉa hè, rãnh thoát nước, điện chiếu sáng, điện trang trí trung tâm huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Thị trấn Phong Thổ	KBNN huyện	8080181	280-312	2024-2025	238-15.3.2024	8.900.000.000	8.900.000.000		8.900.000.000		8.900.000.000	3.179.000.000	666.749.137		
4	Trường mầm non Ma Li Pho (giai đoạn 2)	xã Ma Li Pho	KBNN huyện	8088459	070-071	2024-2025	932-14.5.2024	4.500.000.000	4.500.000.000		4.500.000.000		4.500.000.000	-	222.000.000		
5	Bổ sung cơ sở vật chất trường mầm non Sin Suối Hồ, xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	xã Sin Suối Hồ	KBNN huyện	8088461	070-071	2024-2025	789-02.5.2024	6.000.000.000	6.000.000.000		6.000.000.000		6.000.000.000	-	3.000.000.000		
6	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTBT TH Mù Sang, xã Mù Sang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	xã Mù Sang	KBNN huyện	8088460	070-072	2024-2025	790-02.5.2024	9.000.000.000	9.000.000.000		9.000.000.000		9.000.000.000	-	3.107.041.414		
7	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa chợ trung tâm thị trấn huyện Phong Thổ (giai đoạn 2)	Thị trấn Phong Thổ	KBNN huyện	8020504	280-321	2023-2023	171-28.2.2023	2.500.000.000	2.500.000.000		2.500.000.000		2.500.000.000	500.000.000	2.000.000.000		
8	Phổ đi bộ thị trấn Phong Thổ	Thị trấn Phong Thổ	KBNN huyện	8031674	280-312	2023-2023	776-15/05/2023	3.200.000.000	3.200.000.000		3.200.000.000		3.200.000.000	981.217.292	1.312.260.708		
9	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy khu hợp khối trung tâm Hội nghị văn hóa huyện và trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện Phong Thổ	Thị trấn Phong Thổ	KBNN huyện	8020512	280-338	2023-2023	178-28.2.2023	1.100.000.000	1.100.000.000		1.100.000.000		1.100.000.000	594.000.000	350.779.000		
10	Xây dựng cơ sở vật chất trường mầm non Đào San, xã Đào San, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	xã Đào San	KBNN huyện	8063458	070-071	2023-2024	2818-27.10.2023	4.700.000.000	1.700.000.000	3.000.000.000	1.700.000.000		1.700.000.000		1.000.000.000		